

TRI THỨC TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI H'MÔNG TRONG BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN GEN LÚA TÈ MÈO TẠI KHU VỰC BẮC DÀO SAN, HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Hoàng Thị Nga^{1,*}, Lê Văn Tú¹, Nguyễn Thị Hoa¹, Nguyễn Thị Thúy Hằng¹,
Nguyễn Thị Ngọc Huệ², Vũ Linh Chi¹, Nguyễn Quang Tín³, Hoàng Thị Lan Hương¹

¹Trung tâm Tài nguyên thực vật

²Hội Giống cây trồng Việt Nam

³Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và PTNT

*Email: hoangthingaprc@gmail.com

TÓM TẮT

Tè Mèo là tên gọi mà người H'Mông tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đặt cho giống lúa tẻ được gieo cấy tại địa phương. Việc tìm hiểu tri thức truyền thống liên quan có vai trò quan trọng trong công tác lưu giữ, sử dụng nguồn gen lúa Tè Mèo phục vụ an ninh lương thực, đồng thời phát triển kinh tế của huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Kết quả điều tra, nghiên cứu cho thấy, các kỹ thuật gieo, cấy lúa Tè Mèo 1 vụ/năm, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, không bón phân vô cơ, bảo quản hạt giống là những phương thức canh tác ổn định, bền vững, thân thiện với môi trường, tốt cho người sản xuất, an toàn cho người sử dụng cần được duy trì và phát huy, mở rộng trong sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, một số kỹ thuật truyền thống của người H'Mông cần được cải tiến như: Chọn lọc làm thuần giống, mật độ cấy và sử dụng phân bón hợp lý, phòng trừ sâu, bệnh hại để cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Đây là vấn đề cần được các nhà khoa học hỗ trợ, giúp đỡ cộng đồng người H'Mông để giống lúa Tè Mèo phát triển bền vững gắn với bảo tồn tại chỗ nguồn gen lúa Tè Mèo ở khu vực Bắc Dào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Từ khóa: Bắc Dào San, cộng đồng người H'Mông, giống lúa Tè Mèo, tri thức truyền thống.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Carlos M. C. (2001) [1], tri thức truyền thống được coi là hệ thống kiến thức của các dân tộc bản địa, hoặc của một cộng đồng dân tộc tồn tại và phát triển trong từng hoàn cảnh cụ thể với sự đóng góp của mọi thành viên trong cộng đồng ở một vùng địa lý. Ngày nay, vai trò quan trọng của người dân bản địa cùng với kiến thức trong quản lý và bảo tồn nguồn gen cây trồng ngày càng được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Đã có nhiều nghiên cứu về tri thức truyền thống trong lĩnh vực bảo tồn và sử dụng cây trồng bản địa trên thế giới [2], [3]. Ở Việt Nam, đã có một số nghiên cứu về tri thức truyền thống liên quan đến lĩnh vực sử dụng và phát triển các nguồn gen cây trồng phục vụ đời sống và gắn với bảo tồn tại chỗ [4 - 8]. Các nghiên

cứu đã tài liệu hóa và đánh giá được kinh nghiệm trong lưu giữ và sử dụng cây lúa đặc sản, xoài, khoai môn sọ của cộng đồng dân tộc tại một số địa phương ở tỉnh Sơn La, Hoà Bình.

Tài nguyên di truyền thực vật phục vụ cho thực phẩm và nông nghiệp đang đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với an ninh lương thực và phát triển kinh tế thế giới. Là một thành phần không thể thiếu của đa dạng sinh học nông nghiệp, những nguồn tài nguyên này rất quan trọng đối với việc tăng cường sản xuất nông nghiệp bền vững và đảm bảo sinh kế cho người dân [9]. Việc bảo tồn cây lúa và tri thức truyền thống liên quan nói chung, đặc biệt là giống lúa cổ truyền có ý nghĩa rất lớn đối với đời sống dân sinh. Trên thực tế, nhiều người tiêu dùng vẫn thích tiêu thụ các giống

lúa bản địa vì hương vị, mùi thơm và phẩm chất khác của chúng. Hơn nữa, nhiều nông dân có xu hướng trồng các giống truyền thống này vì chúng thích nghi tốt hơn với điều kiện khí hậu, đất đai địa phương và khả năng chống chịu với những bất thuận đặc thù của từng vùng.

Các giống lúa đặc sản của tỉnh Lai Châu như: Khẩu Kỳ, Ség Cù, Tẻ Râu, Nếp Khẩu Hóc, Tẻ Mèo... có chất lượng gạo ngon, nhưng do phát triển kinh tế và du nhập các giống lúa mới nên không giữ được đặc tính di truyền ban đầu, có nguy cơ thoái hóa cao, nếu không kịp thời phục tráng giống thì tương lai sẽ mất ngoài sản xuất [10]. Từ thực tế trên, nghiên cứu “*Phục tráng, phát triển nguồn gen giống lúa Tẻ Mèo Bắc Đào San phục vụ sản xuất hàng hóa tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu*” được thực hiện nhằm phục tráng các tính trạng ban đầu của giống lúa Tẻ Mèo. Để có cơ sở phục tráng giống, việc tiến hành điều tra tìm hiểu vai trò tri thức truyền thống của cộng đồng người H'Mông trong lưu giữ và sử dụng nguồn gen lúa Tẻ Mèo, từ đó xây dựng bản mô tả giống gốc là hết sức cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là tri thức truyền thống của người H'Mông trong bảo tồn và sử dụng nguồn gen lúa Tẻ Mèo tại Bắc Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Phạm vi nghiên cứu: Ba xã điển hình đại diện cho khu vực Bắc Đào San đã được chọn để tiến hành điều tra gồm: Xã Mù Sang, Tung Qua Lìn và Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu thứ cấp về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dân sinh và phân bố lao động, tài liệu về hiện trạng diện tích, sản lượng giống lúa Tẻ Mèo tại Bắc Đào San trên địa bàn huyện Phong Thổ được thu thập từ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phong Thổ. Các dữ liệu này được sử dụng cho việc hệ thống hóa, tóm tắt về cơ sở lý luận và thực tiễn.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập từ điều tra trực tiếp tại 3 xã trong thời gian từ tháng 11/2022 đến

tháng 10/2023, mỗi xã điều tra từ 2 - 4 bản có người dân trồng giống lúa Tẻ Mèo nhiều năm, thông qua bộ câu hỏi, phỏng vấn trực tiếp các già làng, trưởng bản, người dân trồng giống lúa, cán bộ lãnh đạo địa phương. Tổng số 150 phiếu điều tra với 47 tiêu chí liên quan đến các hoạt động lưu giữ và sử dụng giống lúa Tẻ Mèo của địa phương đã được dùng. Thành phần của 150 nông hộ được phỏng vấn bao gồm cả nam và nữ, các hộ nghèo (90 hộ), cận nghèo (10 hộ) và hộ có mức sống trung bình (50 hộ). Điều này sẽ phản ánh một cách khách quan về sự ảnh hưởng của giới cũng như thành phần kinh tế hộ trong sử dụng tri thức truyền thống của người H'Mông để bảo tồn và sử dụng giống lúa Tẻ Mèo tại khu vực Bắc Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Những phân tích, đánh giá, lựa chọn trạng thái biểu hiện của mỗi tiêu chí dựa trên kết quả đồng ý lựa chọn trắc nghiệm trên tổng số người được phỏng vấn (%). Ngoài ra, phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân (PRA) cũng được sử dụng để thu thập những ý kiến về khó khăn và mong muốn của người dân về công tác bảo tồn và phát triển bền vững nguồn gen lúa địa phương.

Toàn bộ các dữ liệu thu thập thông qua phỏng vấn, điều tra, khảo sát tại địa phương và số liệu kế thừa được tổng hợp, xử lý bằng phần mềm Excel và phân tích hệ thống.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát đặc điểm vùng nghiên cứu và đối tượng được phỏng vấn

Phong Thổ là huyện vùng cao biên giới, nằm ở phía Bắc của tỉnh Lai Châu, nằm trong tọa độ địa lý từ 22°25' - 22°51' vĩ độ Bắc, 103°08' - 103°36' kinh độ Đông, cách thành phố Lai Châu 30 km. Huyện Phong Thổ có 17 xã và thị trấn, trong đó có 12 xã biên giới tiếp giáp với Trung Quốc [10]. Địa hình chủ yếu là núi cao thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 1.000 - 1.500 m (điểm cao nhất là 1.800 m, thấp nhất là 270 m), xen kẽ là những thung lũng hẹp, được chia thành vùng núi cao và vùng núi thấp. Khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa. Mùa hè có gió mùa Đông Nam, kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, thời tiết nóng ẩm,

mưa nhiều. Mùa đông có gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, thời tiết lạnh, khô và ít mưa.

Huyện Phong Thổ có diện tích 1.031 km², trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 22,77 nghìn ha; đất lâm nghiệp là 41,95 nghìn ha; đất chuyên dùng là 1,25 nghìn ha; đất ở là 600 ha [6]. Dân số của huyện gần 83 nghìn dân, mật độ dân số trung bình là 77,36 người/km². Thành phần dân tộc gồm: Dân tộc Dao chiếm 36,25%, dân tộc H'Mông chiếm 25,46%, dân tộc Thái chiếm 17,92%, dân tộc Hà Nhì chiếm 7,85%, dân tộc Kinh chiếm 3,98%... [11].

Năm 2022, diện tích trồng lúa mùa của huyện Phong Thổ là 3.739 ha, đạt 100% so với kế hoạch. Năng suất lúa đạt 46,6 tạ/ha; sản lượng đạt 17.475 tấn [11].

Mù Sang là xã nghèo vùng cao, biên giới của huyện Phong Thổ, cách trung tâm huyện 25 km, gồm có 10 bản, 590 hộ, với 3.496 nhân khẩu sinh sống. Do có địa hình phức tạp chủ yếu là đồi núi cao, độ dốc lớn, mưa lũ, thiên tai thường xuyên xảy ra, tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp luôn thường trực, giao thông cách trở khiến nông sản khó tiêu thụ. Đây là những yếu tố gây cản trở rất lớn đến hoạt động sản xuất của người dân nơi đây [12].

Tung Qua Lìn là xã vùng cao, biên giới, đặc biệt khó khăn, nằm ở phía Bắc huyện Phong Thổ, cách trung tâm huyện 46 km, gồm có 5 bản, 524 hộ, với 2.565 nhân khẩu. Số hộ nghèo của xã là 418 hộ, chiếm 79,77%. Nằm ở độ cao hơn 1.400 m so với mực nước biển, địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi, độ dốc lớn, trình độ dân trí thấp, nhiều hộ vẫn được duy trì, ít đất sản xuất nông nghiệp, thiếu nước sản xuất, thiên tai, mưa lũ thường xuyên, dẫn tới tỷ lệ đói nghèo còn cao [13].

Đào San là xã vùng cao biên giới phía Bắc của huyện Phong Thổ, cách trung tâm huyện 40 km, có 13 bản, 1.681 hộ, 8.517 nhân khẩu, với 5 dân tộc sinh sống chính (H'Mông, Dao, Hà Nhì, Hoa và một số dân tộc khác). Tổng số hộ nghèo theo tiêu chí tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 là 167 hộ, chiếm 10,25%. Xã thường xuyên xảy ra

thiên tai làm thiệt hại về kinh tế và ảnh hưởng tới đời sống của người dân. Bên cạnh đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp phần lớn có độ dốc cao, cơ sở hạ tầng yếu kém, nhận thức của đại bộ phận người dân còn thấp, việc khai thác tiềm năng phát triển kinh tế còn hạn chế [14].

Trong số 150 nông hộ được phỏng vấn/điều tra tại 3 xã: Mù Sang, Tung Qua Lìn, Đào San tương ứng là 46, 48, 56 hộ. Thành phần hộ gia đình gồm 90 hộ nghèo (chiếm 60%), 60 hộ còn lại là hộ cận nghèo và mức sống trung bình (chiếm 40%). Có 137 hộ có nguồn thu nhập chính từ nông nghiệp, với 100% nguồn thu từ trồng trọt, chỉ có 13 hộ có nguồn thu nhập chính từ phi nông nghiệp gồm: Làm thuê, kinh doanh, buôn bán nhỏ. Trong số 150 hộ được điều tra có 126 nam và 24 nữ, do nam giới chủ yếu đảm nhiệm công việc chính của gia đình và có khả năng nói tiếng phổ thông tốt hơn nữ giới. Độ tuổi trung bình của người được phỏng vấn là 48 tuổi, số tuổi dao động từ 33 - 72, nằm trong độ tuổi lao động. Số thành viên/hộ dao động từ 4 - 10 người, trung bình là 5,8 người/hộ. Cây lúa là cây lương thực chính nên diện tích trồng lúa của các hộ là tương đối lớn, dao động từ 2.200 - 11.500 m², bình quân 6.713 m²/hộ. Điều này cho thấy, việc chọn mẫu đối tượng điều tra đảm bảo thu được thông tin đáng tin cậy.

3.2. Tri thức truyền thống trong lưu giữ nguồn gen lúa Tẻ Mèo

Để lưu giữ được nguồn gen cây trồng từ thế hệ này sang thế hệ khác tại địa phương, các khâu lựa chọn, nhân và bảo quản củ giống tốt cùng với việc áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp là vô cùng quan trọng. Kết quả tư liệu hóa tri thức truyền thống về lưu giữ giống và phương thức canh tác giống lúa Tẻ Mèo của cộng đồng người H'Mông ở khu vực Bắc Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu được thể hiện trong bảng 1.

Địa hình, loại đất trồng và tưới cho giống lúa Tẻ Mèo: 100% các hộ gia đình trồng lúa Tẻ Mèo trên địa hình ruộng bậc thang, là đất thịt nhẹ, với 150 hộ được điều tra (Hình 1 d, f). Toàn bộ các hộ trồng lúa Tẻ Mèo nhờ nước trời, phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện tự nhiên.

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

**Bảng 1. Phương thức canh tác truyền thống giống lúa Tẻ Mèo
tại 3 xã: Mù Sang, Tung Qua Lìn và Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu**

TT	Tiêu chí	Trạng thái biểu hiện	Số hộ	Tỷ lệ %
1	Địa hình nơi trồng lúa	Ruộng bậc thang	150	100
2	Loại đất trồng lúa	Đất thịt nhẹ	150	100
3	Chuẩn bị đất, xử lý đất trước khi trồng	Làm đất kỹ	150	100
4	Phương thức gieo cấy	Gieo mạ và cấy	150	100
5	Nguồn giống Tẻ Mèo Bắc Đào San cho vụ sau	Gia đình tự chọn và để giống	150	100
6	Số vụ cấy lúa Tẻ Mèo/năm	1 vụ	150	100
7	Thời vụ gieo cấy vụ mùa	Gieo tháng 3 - 4	150	100
		Cấy tháng 5 - 6	150	100
		Thu hoạch tháng 9 - 10	150	100
8	Số lượng cây mạ (dảnh/khóm)	2 - 3 dảnh/khóm	94	62,7
		3 - 4 dảnh/khóm	56	37,3
9	Sử dụng phân bón (1.000 m ²)	Không sử dụng phân bón	140	93,3
		Có sử dụng phân bón	10	6,7
10	Làm cỏ, chăm sóc	Làm cỏ thủ công	44	29,3

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TT	Tiêu chí	Trạng thái biểu hiện	Số hộ	Tỷ lệ %
		Làm cỏ thủ công và sử dụng thuốc trừ cỏ	106	70,7
11	Tưới tiêu	Canh tác nước trời	150	100
12	Luân canh trên đất trồng lúa	Không	150	100
13	Trong quá trình trồng xuất hiện sâu nào?	Rầy	150	100
		Sâu đục thân	150	100
14	Giai đoạn cây lúa bị sâu gây hại chính	Trở đến chín	150	100
15	Biện pháp phòng trừ sâu	Không xử lý	150	100
16	Trong quá trình sinh trưởng, cây lúa có bị các bệnh gây hại không?	Đạo ôn	26	17,3
		Khô vằn	29	19,3
17	Giai đoạn gây hại chính của bệnh	Trở đến chín	50	33,3
18	Biện pháp phòng trừ sâu	Không xử lý, để tự nhiên	150	100
19	Trong quá trình sinh trưởng cây lúa có bị chuột phá không?	Có	150	100
20	Trong quá trình sinh trưởng cây lúa có bị ốc phá hoại không?	Có	78	52
		Không	62	48

Kỹ thuật làm đất: Làm đất kỹ thành nền bùn rồi gieo mạ.

Chuẩn bị giống: Hạt giống lúa Tẻ Mèo được người dân để từ vụ trước trong các bao tải sẽ được

lấy ra, ngâm mạ, ủ và gieo. Người dân sử dụng lượng hạt giống dao động 3 - 5 kg, trung bình 4 kg/1.000 m² ruộng cấy. Lượng giống này là nhiều cho diện tích cấy 1.000 m², nhằm đề phòng mạ có thể bị chết trước khi cấy trong điều kiện canh tác tự nhiên. Đây cũng là phương thức canh tác thích ứng với điều kiện nước trời, tuy nhiên lượng hạt giống quá nhiều sẽ gây tốn kém nếu phải đầu tư mua giống.

Thời vụ trồng lúa Tẻ Mèo: Giống lúa Tẻ Mèo được đồng bào H'Mông trồng duy nhất 1 vụ mùa/năm, thời điểm gieo mạ bắt đầu tháng 3 - 4, thời vụ cấy tháng 5 - 6, thu hoạch tháng 9 - 10.

Phương thức gieo trồng và mật độ: Phương thức gieo mạ và cấy, tuổi mạ rất dài từ 50 - 60 ngày. Do canh tác nước trời nên mật độ cấy dày và số dảnh/khóm nhiều. Mật độ cấy 2 - 3 dảnh/khóm được phân lớn các hộ lựa chọn, với 94 hộ (chiếm 62,7%); trong khi 56 hộ còn lại (chiếm 37,3%) thường cấy từ 3 - 4 dảnh/khóm để tránh phải cấy dặm khi điều kiện thời tiết hạn có thể gây chết mạ sau cấy.

Mật độ cấy dao động lớn, từ 20 - 40 khóm/m², tùy thuộc vào mạ tốt hay xấu, khu ruộng của gia đình, điều kiện chăm sóc... Hiện tại, chưa có biện pháp kỹ thuật chuẩn cho canh tác giống lúa Tẻ Mèo. Đây là điểm yếu cần được cải thiện, hỗ trợ người dân trong canh tác để có năng suất tối ưu đúng với tiềm năng của giống.

Sử dụng phân bón: Hầu hết bà con không sử dụng phân bón trong canh tác giống lúa Tẻ Mèo tại khu vực Bắc Đào San, huyện Phong Thổ.

Làm cỏ và chăm sóc: Biện pháp làm cỏ thủ công được 44/150 hộ áp dụng trong canh tác lúa Tẻ Mèo do gia đình không có tiền mua thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời muốn bảo vệ sức khỏe của mình trong canh tác nông nghiệp. Còn lại 104/150 hộ sử dụng đồng thời phương thức làm cỏ bằng tay và thuốc trừ cỏ. Trong quá trình cây lúa phát triển, người dân làm cỏ trên ruộng lúa bằng tay, còn các bờ ruộng được phun thuốc trừ cỏ, sau đó trồng xen canh cây đậu tương trên các bờ ruộng lúa (Hình 1 j, k).

Áp dụng biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại: Hầu hết các hộ đều không sử dụng bất cứ loại

thuốc bảo vệ thực vật nào trong quá trình canh tác lúa Tẻ Mèo. Một phần vì không có tiền mua thuốc bảo vệ thực vật, phần khác vì giống lúa Tẻ Mèo thường ít bị sâu, bệnh hại trong canh tác, hoặc gây hại không đáng kể. Nếu có sâu, bệnh hại, người dân cũng để cây tự chống chịu chứ không phun bất kỳ loại thuốc bảo vệ thực vật hoá học nào.

Với các kỹ thuật canh tác như trên, năng suất của giống lúa Tẻ Mèo trung bình đạt 4,88 tấn/ha, dao động giữa các hộ trồng từ 4,14 - 5,67 tấn/ha do năng suất phụ thuộc nhiều vào địa hình đất trồng, phương thức canh nước trời, điều kiện tự nhiên, công chăm sóc và phân bón. Nhìn chung, năng suất lúa Tẻ Mèo khá tốt trong điều kiện canh tác nước trời, không bón phân và không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hoá học.

Thu hoạch: Thu hoạch lúa Tẻ Mèo từ tháng 9 đến tháng 10 hàng năm. Khi lúa chín, đồng bào H'Mông thu hoạch lúa và phơi trực tiếp trên ruộng. Sau 2 - 3 ngày, cây lúa đã khô bà con sẽ đập lấy hạt, phơi khô, cất vào bao tải mang về nhà, để ăn dần hoặc bán. Rơm rạ tiếp tục phơi trên ruộng cho khô, cuộn hoặc bó gọn mang về nhà làm thức ăn cho trâu, bò trong những tháng mùa đông (tháng 11 đến tháng 4 năm sau) (Hình 1 g).

Chọn lọc, thu hoạch và bảo quản hạt giống: Tất cả các hộ dân được điều tra đều tự để hạt giống lúa để gieo trồng trong vụ tiếp theo. Các hộ gia đình tự chọn giống trên các ruộng tốt của gia đình mình, nếu không bị lẫn tạp giống khác, không bị sâu, bệnh thì thu hoạch một diện tích nhỏ trên tổng diện tích ruộng của họ rồi để riêng, phơi khô và cất trong bao tải để nơi khô ráo. Biện pháp này dễ tiến hành và có lượng hạt giống tốt hơn ngay cho vụ sau, tuy nhiên hạt giống chưa có chất lượng tối ưu, không kiểm tra được kiểu gen và không củng cố tích lũy được biến dị. Vì vậy, cần có sự hỗ trợ về khoa học kỹ thuật cho việc chọn lọc cá thể, tạo dòng thuần để có hạt giống chất lượng tốt nhất.

Bảo quản thóc thương phẩm: Đồng bào H'Mông luôn tích trữ lương thực trong nhà, đặc biệt là lúa gạo vì đây là nguồn lương thực chính. Thóc của vụ trước nếu không dùng hết vẫn tiếp tục sát ăn cho đến hết thóc cũ mới chuyển sang dùng thóc mới. Do vậy, chất lượng gạo thường bị

kém, cần thay đổi nhận thức trong bảo quản, sử dụng lúa gạo của người H'Mông.

Qua điều tra cho thấy, giống lúa Tẻ Mèo đã được người dân lưu giữ, trồng 1 vụ mùa/năm từ lâu đời, canh tác dựa vào nước trời trên các ruộng bậc thang, các gia đình tự chọn giống trên ruộng tốt, không lẫn, không bị bệnh sau đó thu hoạch, phơi khô và để trong bao tải, cất nơi khô ráo. Đất trồng lúa Tẻ Mèo chỉ độc canh cây lúa 1 vụ/năm mà không luân canh với bất kỳ cây trồng nào khác. Điều này giúp đất được “nghỉ ngơi” và bồi đắp lại dinh dưỡng để chuẩn bị cho 1 vụ lúa mới của năm tiếp theo. Đây có thể là lý do người dân không cần sử dụng phân bón khi canh tác lúa Tẻ Mèo tại khu vực Bắc Đào San, lúa được trồng hoàn toàn tự nhiên, canh tác nông nghiệp tốt, bền vững, thân thiện và cần được duy trì.

3.3. Tri thức truyền thống trong sử dụng nguồn gen lúa Tẻ Mèo tại Bắc Đào San

Các hộ đều sử dụng giống lúa Tẻ Mèo làm lương thực cho nhu cầu hộ gia đình. Có 100 hộ (chiếm 66,7%) có lượng thóc sản xuất ra không sử dụng hết được các hộ bán ra chợ hoặc bán cho thương lái. Mục đích chính của sử dụng lúa Tẻ Mèo tại Bắc Đào San là thổi cơm dùng trong bữa ăn hàng ngày, không dùng chế biến các món ăn khác. Giá bán mỗi kg thóc Tẻ Mèo trung bình là 9.000 đồng/kg, dao động 8.000 - 10.000 đồng/kg, giá gạo 18.000 - 20.000 đồng/kg. Toàn bộ phần rơm rạ sau thu hoạch được người dân sử dụng để chăn nuôi gia súc trong những tháng giá lạnh của mùa đông.

3.4. Những phát hiện về dự định phát triển và nhu cầu cần hỗ trợ khoa học, công nghệ để phát triển bền vững giống lúa Tẻ Mèo tại Bắc Đào San

Bảng 2. Định hướng phát triển và nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật với giống lúa Tẻ Mèo tại Bắc Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

STT	Tiêu chí	Các lựa chọn của nông hộ	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Hướng phát triển giống lúa Tẻ Mèo trong thời gian tới	a. Tiếp tục trồng, giữ nguyên diện tích	90	60,0
		b. Tiếp tục trồng, tăng diện tích	60	40,0
		c. Tiếp tục trồng, giảm diện tích	0	0
2	Hướng lựa chọn giống lúa trong thời gian tới	a. Giống cũ hiện trồng	100	66,7
		b. Giống cũ được phục tráng	150	100
		c. Giống mới năng suất, chất lượng cao	50	33,0
		d. Giống mới thích nghi, chống chịu tốt	50	33,3
3	Nhu cầu cần hỗ trợ trong thời gian tới	a. Giống được phục tráng	150	100
		b. Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật	150	100

STT	Tiêu chí	Các lựa chọn của nông hộ	Số hộ	Tỷ lệ (%)
		c. Nguồn tiêu thụ ổn định	100	66,7
		d. Bảo quản, chế biến	0	0
		e. Cơ chế chính sách	0	0
		f. Hỗ trợ phân bón	10	6,7

Kết quả ở bảng 2 cho thấy, phần lớn các hộ điều tra đều mong muốn tiếp tục trồng giống lúa Tẻ Mèo với các lựa chọn: 90/150 hộ (chiếm 60,0%) muốn tiếp tục giữ nguyên diện tích trồng Tẻ Mèo; 60/150 hộ (chiếm 40,0%) muốn tăng diện tích trồng giống Tẻ Mèo để phục vụ nhu cầu của hộ gia đình và bán ra thị trường với giá bán cao, giống thích nghi tốt với điều kiện của địa phương (năng suất khá, chống chịu sâu, bệnh hại).

Toàn bộ các hộ được phỏng vấn (chiếm 100%) mong muốn được trồng giống lúa Tẻ Mèo đã được phục tráng, do khi có nguồn hạt giống tốt, độ thuần cao sẽ giúp cây lúa sinh trưởng, phát triển, năng suất tốt, chất lượng đồng đều và ổn định hơn. Bên cạnh đó, 50/150 hộ mong muốn trồng thêm các giống lúa mới có năng suất, chất lượng và giống mới thích nghi, chống chịu tốt với điều kiện của địa phương.

Nhu cầu về các yếu tố kỹ thuật cần hỗ trợ trong thời gian tới xếp theo thứ tự ưu tiên là: Hỗ trợ phục tráng giống (100% hộ); được đào tạo về kỹ thuật canh tác mới (100% hộ) và hỗ trợ phân bón (6,7% hộ) (Bảng 2).

3.5. Những ưu điểm và hạn chế trong thực hành canh tác giống lúa Tẻ Mèo

Kết quả điều tra tri thức truyền thống của người H'Mông trong canh tác giống lúa Tẻ Mèo tại khu vực Bắc Đào San, huyện Phong Thổ cho thấy:

Đa số các hộ dân được điều tra đều có kiến thức, kinh nghiệm truyền thống trong bảo quản, nhân giống, canh tác và sử dụng giống lúa Tẻ Mèo. Nhờ có những tri thức truyền thống này, nguồn gen lúa Tẻ Mèo địa phương đã được lưu giữ và phát triển qua nhiều thế hệ cho tới ngày nay.



a. Làm việc với lãnh đạo
tại xã Mù Sang, tháng 11/2022



b. Điều tra tại xã
Tung Qua Lìn, tháng 12/2022



c. Điều tra tại xã Đào San,
tháng 12/2022



d. Ruộng bậc thang trồng lúa Tẻ Mèo
tại xã Đào San, tháng 9/2023



e. Lúa Tẻ Mèo trồng tại bản Dền Thàng A,
xã Đào San, tháng 9/2023



f. Lúa Tẻ Mèo chuẩn bị thu hoạch
tại xã Đào San, tháng 9/2023



g. Lúa thu hoạch được phơi trên
ruộng 2 - 3 ngày, tháng 9/2023



h. Đập lúa bằng tay sau khi
thu hoạch, tháng 10/2023



i. Hộp gỗ dùng để đập lúa
sau thu hoạch, tháng 9,2023



j. Trồng đậu tương bản địa
trên bờ ruộng lúa Tẻ Mèo, tháng 9/2023



k. Đậu tương bản địa trồng trên bờ ruộng lúa Tẻ Mèo, tháng 9/2023



l. Gạo Tẻ Mèo trồng tại khu vực Bắc Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

Hình 1. Một số hình ảnh điều tra về kiến thức bản địa trong bảo tồn giống lúa Tẻ Mèo tại khu vực Bắc Đào San

Hiện nay, chủ trương của UBND huyện Phong Thổ là mở rộng diện tích trồng lúa địa phương chất lượng tốt, thích nghi với điều kiện canh tác, cũng như tiêu thụ sản phẩm là điều kiện thuận lợi để phát triển giống lúa Tẻ Mèo ổn định, bền vững tại địa phương. Kết quả điều tra cho thấy, những ưu điểm và thuận lợi trong canh tác lúa Tẻ Mèo tại khu vực Bắc Đào San là giống lúa thuần phổ biến của địa phương, dễ gieo trồng; người dân có kinh nghiệm trong canh tác giống lúa Tẻ Mèo; ít công chăm sóc; năng suất giống ổn định; sinh trưởng tốt, ít chịu tác động của sâu, bệnh hại và điều kiện thời tiết bất thuận; cơm gạo khá ngon; có tiềm năng trở thành giống lúa hàng hóa.

Bên cạnh những thuận lợi, canh tác giống lúa Tẻ Mèo tại Bắc Đào San cũng gặp phải những khó khăn như: Năng suất giống chưa cao, dao động 4,14 - 5,67 tấn/ha, đang có xu hướng giảm dần năng suất do canh tác đã lâu nhưng chưa được hỗ trợ kỹ thuật canh tác và phục tráng; chưa có những nghiên cứu cụ thể để đưa ra quy trình canh tác phù hợp cho giống lúa Tẻ Mèo tại khu vực Bắc Đào San, huyện Phong Thổ, chưa thể hiện hết tiềm năng của giống; giá bán thấp, dao động 8.000 - 10.000 đồng/kg; phần lớn các hộ chưa quan tâm đến lựa chọn hạt giống chất lượng cũng như phương thức chọn lọc giống để có hạt giống tốt cho vụ sau. Vì vậy, cây sinh trưởng chưa tốt, ruộng chưa đồng đều, vẫn lẫn tạp các loại giống, năng suất chưa cao, giảm khả năng chống chịu với sâu, bệnh hại.

Để phát triển ổn định và bền vững giống lúa Tẻ Mèo tại khu vực Bắc Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, bên cạnh việc tăng cường các cơ chế chính sách của địa phương nhằm hỗ trợ và khuyến khích người dân trong canh tác nông nghiệp, rất cần các hoạt động hỗ trợ về khoa học và kỹ thuật trong phục tráng giống để có hạt giống tốt, chất lượng, độ đồng đều cao; các nghiên cứu về biện pháp canh tác phù hợp cho giống lúa Tẻ Mèo nhằm đạt hiệu quả cao nhất; tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức, hướng dẫn thực hành canh tác bền vững cho người dân.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Tri thức truyền thống của người H'Mông có vai trò quan trọng trong việc lưu giữ, sử dụng nguồn gen lúa Tẻ Mèo phục vụ an ninh lương thực tại địa phương và các vùng lân cận, đồng thời phát triển kinh tế của huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển sản xuất hàng hóa như hiện nay, một số kỹ thuật truyền thống của người H'Mông đã không còn phù hợp, cần được cải tiến như: Phương thức canh tác (thời vụ, lượng hạt giống, mật độ cấy, chăm sóc, thu hoạch...), chọn giống cho vụ sau, cách sử dụng phân bón, phòng trừ sâu, bệnh hại nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao. Đây là những vấn đề cần các nhà khoa học hỗ trợ để giống lúa Tẻ Mèo phát triển bền vững, gắn với bảo tồn tại chỗ ở khu vực Bắc Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Các tri thức truyền thống tốt trong canh tác giống lúa Tẻ Mèo như: Canh tác 1 vụ/năm, để đất nghỉ 1 vụ trước khi trồng vụ mới để bồi tụ dinh dưỡng cho đất, canh tác lúa không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hoá học, không bón phân vô cơ... là những phương thức canh tác ổn định, bền vững, thân thiện với môi trường tự nhiên, tốt cho người sản xuất, an toàn cho người sử dụng cần được duy trì và phát huy, mở rộng trong sản xuất nông nghiệp.

4.2. Kiến nghị

Cần triển khai phục tráng giống, phân tích chất lượng gạo, thực hiện một số biện pháp canh tác cho giống lúa Tẻ Mèo tại khu vực Bắc Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ kinh phí bởi đề tài “Phục tráng, phát triển nguồn gen giống lúa Tẻ Mèo Bắc Đào San phục vụ sản xuất hàng hóa tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu” thuộc nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu thực hiện từ năm 2022.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Carlos M. C. (2001). Traditional knowledge and intellectual property. Issues and options surrounding the protection of traditional knowledge. A discussion paper. The Quaker United Nations Office, Geneva.

2. Paul Q. (2006). Hợp tác với các cộng đồng truyền thống nhằm bảo tồn tri thức về tài nguyên di truyền thực vật. Tài liệu hội thảo - tập huấn về thu thập và tư liệu hoá kiến thức bản địa tại Nghệ An, tháng 10/2006 do GEF-UNDP tài trợ.

3. Pablo E. (2000). Ethnobotanical study in Asia, in Ethnobotany and genetic diversity of Asian Taro: Focus on China. Proceedings of the Symposium on Ethnobotanical and genetic diversity of taro, 10 - 12 November, 1998 - Laiyang Shangdong, China. IPGRI, Rome Italy, pp. 5 - 8.

4. Hoàng Xuân Tý (1998). Một số giải pháp canh tác trên đất dốc của đồng bào Thái đen ở Sơn La. Trong: Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, trang 53.

5. Nguyễn Thị Thanh Tuyết, Nguyễn Thị Ngọc Huệ, Đặng Văn Niên (2003). *Những kiến thức bản địa và đa dạng nguồn gen lúa tại huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình*. Kỷ yếu Hội thảo đa dạng sinh học và xoá đói giảm nghèo vùng núi Việt Nam, Sa Pa ngày 26 - 28/5/2003. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, trang 253.

6. Nguyễn Thị Ngọc Huệ, Vũ Linh Chi (2004). *Tư liệu hoá kiến thức, kinh nghiệm truyền thống trong bảo tồn đa dạng sinh học cây ăn quả: Kết quả từ nghiên cứu xây dựng mô hình bảo tồn cộng đồng nguồn gen cây xoài tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La*. Tài liệu hội thảo tập huấn về thu thập và tư liệu hoá kiến thức bản địa tại Lào Cai do GEF-UNDP tài trợ.

7. Nguyễn Thị Ngọc Huệ, Nguyễn Phùng Hà (2005). Cơ sở khoa học xây dựng mô hình điểm bảo tồn in situ nguồn gen môn sọ trên đồng ruộng tại huyện Nho Quan, Ninh Bình. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, số 14, 26 - 29.

8. Hoàng Thị Nga, Lê Văn Tú, Nguyễn Thị Ngọc Huệ, Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Quang Tân, Nguyễn Mai Phương, Nguyễn Thị Thúy Hằng, Hoàng Thị Lan Hương (2023). Tri thức truyền thống của người H'Mông trong bảo tồn và sử dụng nguồn gen cây khoai sọ nương tại huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, số 8, 79 - 88.

9. FAO (2009). The second report on the state of the world's plant genetic resources for food and agriculture. FAO, Rome.

10. UBND huyện Phong Thổ (2021). *Phong Thổ là huyện vùng cao biên giới, nằm ở phía Bắc của tỉnh Lai Châu*. <https://phongtho.laichau.gov.vn/gioi-thieu/dieu-kien-tu-nhien-xa-hoi/phong-tho-la-huyen-vung-cao-bien-gioi-nam-o-phia-bac-cua-tin.html>. Truy cập ngày 21/5/2021.

11. UBND huyện Phong Thổ (2020). *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021*.

12. UBND xã Mù Sang (2022). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023*.

13. UBND xã Tung Qua Lìn (2022). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023*.

14. UBND xã Đào San (2021). *Báo cáo kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021 và kế hoạch năm 2022*.

TRADITIONAL KNOWLEDGE OF H'MONG GROUP IN CONSERVATION AND USE THE TE MEO RICE VARIETY IN THE BAC DAO SAN AREA, PHONG THO DISTRICT, LAI CHAU PROVINCE

**Hoang Thi Nga¹, Le Van Tu¹, Nguyen Thi Hoa¹, Nguyen Thi Thuy Hang¹,
Nguyen Thi Ngoc Hue², Vu Linh Chi¹, Nguyen Quang Tin³, Hoang Thi Lan Huong¹**

¹*Plant Resources Center*

²*Vietnam Seed Association*

³*Department of Science Technology and Environment, MARD*

Summary

Te Meo is the name given by the H'Mong people in the Phong Tho district, Lai Chau province, to the local rice variety that is grown locally. Understanding related traditional knowledge is vital in preserving and using Te Meo rice genetic resources to serve food security and economic development of Phong Tho district, Lai Chau province. Investigation and research results show that the techniques of sowing and transplanting Te Meo rice once per year, not using chemical pesticides, not fertilizing with inorganic fertilizers and preserving seeds are farming methods. Stable, sustainable, environmentally friendly, suitable for producers, and safe for users need to be maintained, promoted, and expanded in agricultural production. In addition, some traditional techniques of the H'Mong people need to be improved, such as selective breeding, reasonable planting density and use of fertilizers and pest and disease prevention for higher economic efficiency. This issue requires scientists to support and help the H'Mong community so that the Te Meo rice variety develops sustainably in association with the *in-situ* conservation of Te Meo rice genetic resources in the Bac Dao San area, Phong Tho district, Lai Chau province.

Keywords: *Bac Dao San area, H'Mong community, Te Meo rice variety, traditional knowledge.*

Ngày nhận bài: 22/5/2024

Ngày chuyển phản biện: 5/6/2024

Ngày thông qua phản biện: 15/8/2024

Ngày duyệt đăng: 23/9/2024